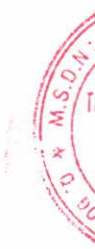


**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch (Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên
Ông Mai Minh Phương	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Cao Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2014



Số: 55T /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Khúc Thị Lan Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2737-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>140.511.286.559</b>		<b>168.806.748.737</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>54.677.161.914</b>		<b>59.518.116.234</b>	
1. Tiền	111		24.677.161.914		21.518.116.234	
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000		38.000.000.000	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.426.321.883</b>		<b>77.731.675.812</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		7.306.033.269		6.211.500.771	
2. Trả trước cho người bán	132		314.800.000		70.829.980.000	
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.805.488.614		690.195.041	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>73.908.896.203</b>		<b>29.726.768.718</b>	
1. Hàng tồn kho	141		74.308.896.203		32.698.827.046	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(400.000.000)		(2.972.058.328)	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.498.906.559</b>		<b>1.830.187.973</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		194.042.123		99.774.500	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.304.864.436		1.235.760.533	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-		494.652.940	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 260)	<b>200</b>		<b>67.921.591.708</b>		<b>71.633.602.320</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.687.121.378</b>		<b>65.270.680.916</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	39.830.308.315		43.417.445.895	
- Nguyên giá	222		66.929.060.652		64.687.374.070	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.098.752.337)		(21.269.928.175)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	21.825.813.063		21.822.235.021	
- Nguyên giá	228		22.022.177.889		21.904.819.239	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(196.364.826)		(82.584.218)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		31.000.000		31.000.000	
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.234.470.330</b>		<b>6.362.921.404</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.231.470.330		6.359.921.404	
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000		3.000.000	
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>208.432.878.267</b>		<b>240.440.351.057</b>	

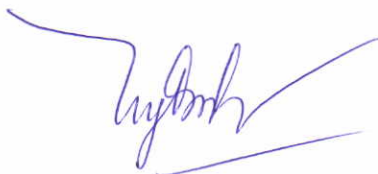
Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310)	<b>300</b>		<b>69.311.965.522</b>	<b>101.734.971.061</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.311.965.522</b>	<b>101.734.971.061</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	21.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		6.399.792.721	3.663.211.358
3. Người mua trả tiền trước	313		15.897.713.955	86.574.823.204
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.426.204.684	420.190.820
5. Phải trả người lao động	315		3.636.176.351	3.009.894.779
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.876.812.473	77.209.446
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.075.265.338	7.989.641.454
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>139.120.912.745</b>	<b>138.705.379.996</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>139.120.912.745</b>	<b>138.705.379.996</b>
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.064.298.037	9.064.298.037
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.134.377.658	5.315.375.475
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.922.237.050	24.325.706.484
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>208.432.878.267</b>	<b>240.440.351.057</b>



**Phạm Thị Tuyết Minh**  
 Người lập biểu



**Lê Thanh Viên**  
 Kế toán trưởng



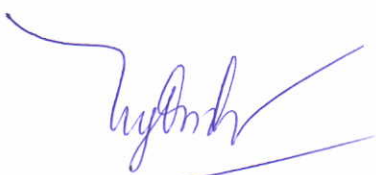
**Cao Trung Kiên**  
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

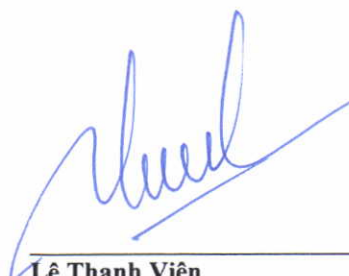
**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	2.561.230.096.481	2.468.822.428.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	19.062.437.062	27.842.416.244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	2.542.167.659.419	2.440.980.011.935
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	2.447.840.665.112	2.347.980.403.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		94.326.994.307	92.999.608.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.373.946.517	3.428.806.800
7. Chi phí tài chính	22		332.614.658	41.886
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		332.600.967	-
8. Chi phí bán hàng	24		26.987.693.582	20.399.465.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.862.041.546	22.851.448.242
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		48.518.591.038	53.177.459.691
11. Thu nhập khác	31		76.275.182	90.816.000
12. Lợi nhuận khác (40=31)	40		76.275.182	90.816.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		48.594.866.220	53.268.275.691
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		12.214.822.555	9.618.882.764
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		36.380.043.665	43.649.392.927
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.638	4.365



**Phạm Thị Tuyết Minh**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2014



**Lê Thanh Viên**  
 Kế toán trưởng



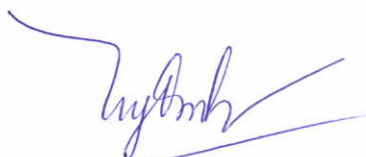
**Cao Trung Kiên**  
 Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	48.594.866.220	53.268.275.691
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.763.147.266	5.868.343.238
Các khoản dự phòng	03	(2.572.058.328)	2.972.058.328
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(75.436)	41.886
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.373.857.390)	(3.433.906.800)
Chi phí lãi vay	06	332.600.967	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	50.744.623.299	58.674.812.343
Thay đổi các khoản phải thu	09	67.458.333.360	(12.779.308.189)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(41.610.069.157)	(23.103.491.229)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(66.618.184.785)	(3.961.465.893)
Thay đổi chi phí trả trước	12	459.348.906	(205.772.289)
Tiền lãi vay đã trả	13	(332.600.967)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.048.604.738)	(10.795.762.393)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.699.379.082	2.171.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.578.266.114)	(5.643.844.988)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(4.826.041.114)</i>	<i>4.356.167.362</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.156.492.698)	(9.861.403.158)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.100.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.151.774.056	3.298.806.800
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.004.718.642)</i>	<i>(6.557.496.358)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.223.961.400	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.223.961.400)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.010.270.000)	(14.031.480.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>989.730.000</i>	<i>(14.031.480.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>(4.841.029.756)</i>	<i>(16.232.808.996)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.518.116.234	75.750.967.116
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	75.436	(41.886)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	54.677.161.914	59.518.116.234



**Phạm Thị Tuyết Minh**  
 Người lập biểu



**Lê Thanh Viên**  
 Kế toán trưởng



**Cao Trung Kiên**  
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Đăk Lăk và Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 50 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	47.961.920	59.877.051
Tiền gửi ngân hàng	24.629.199.994	21.458.239.183
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	38.000.000.000
	<u><b>54.677.161.914</b></u>	<u><b>59.518.116.234</b></u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Định với lãi suất 6,5%/năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	507.827.931	435.299.732
Phải thu khác	1.297.660.683	254.895.309
	<u><b>1.805.488.614</b></u>	<u><b>690.195.041</b></u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	79.154.400	750.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.000.000	-
Hàng hóa	74.189.741.803	32.698.077.046
<b>Cộng</b>	<u><b>74.308.896.203</b></u>	<u><b>32.698.827.046</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(400.000.000)	(2.972.058.328)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>73.908.896.203</b></u>	<u><b>29.726.768.718</b></u>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.572.058.328 đồng.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	58.922.998.844	500.589.321	2.400.892.971	2.862.892.934	64.687.374.070
Mua trong năm	1.879.386.350	-	1.414.385.455	193.622.728	3.487.394.533
Giảm khác (*)	(43.438.737)	(45.870.821)	(62.972.727)	(1.093.425.666)	(1.245.707.951)
Tại ngày 31/12/2013	<u>60.758.946.457</u>	<u>454.718.500</u>	<u>3.752.305.699</u>	<u>1.963.089.996</u>	<u>66.929.060.652</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	18.766.270.827	179.837.947	582.193.015	1.741.626.386	21.269.928.175
Khấu hao trong năm	5.501.007.796	121.223.062	569.239.763	457.896.037	6.649.366.658
Giảm khác (*)	(6.931.201)	(17.835.275)	(40.199.030)	(755.576.990)	(820.542.496)
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.260.347.422</u>	<u>283.225.734</u>	<u>1.111.233.748</u>	<u>1.443.945.433</u>	<u>27.098.752.337</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>36.498.599.035</b></u>	<u><b>171.492.766</b></u>	<u><b>2.641.071.951</b></u>	<u><b>519.144.563</b></u>	<u><b>39.830.308.315</b></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>40.156.728.017</b></u>	<u><b>320.751.374</b></u>	<u><b>1.818.699.956</b></u>	<u><b>1.121.266.548</b></u>	<u><b>43.417.445.895</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

(\*) Giảm khác trong năm thể hiện giá trị các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng, được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.624.138.479 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.158.773.073 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	21.904.819.239	21.904.819.239
Mua trong năm	117.358.650	117.358.650
Tại ngày 31/12/2013	<u>22.022.177.889</u>	<u>22.022.177.889</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	82.584.218	82.584.218
Khấu hao trong năm	113.780.608	113.780.608
Tại ngày 31/12/2013	<u>196.364.826</u>	<u>196.364.826</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2013	<u>21.825.813.063</u>	<u>21.825.813.063</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>21.822.235.021</u>	<u>21.822.235.021</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.793.030.741	5.945.813.969
Chi phí trả trước dài hạn khác	438.439.589	414.107.435
	<u>6.231.470.330</u>	<u>6.359.921.404</u>

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	21.000.000.000	-
	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định với thời hạn là 3 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 7%/năm, lãi được tính từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu tiên, lãi vay được Bên vay trả 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị lô hàng Ure - Đạm Phú Mỹ căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 724/2013/PVFCCo/PB-MT/B-DPM ngày 23 tháng 12 năm 2013.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.186.769	11.964.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.671.564.877	-
Thuế thu nhập cá nhân	742.453.038	408.226.561
	<u>2.426.204.684</u>	<u>420.190.820</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	100.000.000.000	23.366	4.699.358.744	3.132.905.829	9.000.568.712	116.832.856.651
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43.649.392.927	43.649.392.927
Trích lập quỹ	-	-	4.364.939.293	2.182.469.646	(14.309.757.171)	(7.762.348.232)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
(Giảm) khác	-	(23.366)	-	-	(14.497.984)	(14.521.350)
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.064.298.037</b>	<b>5.315.375.475</b>	<b>24.325.706.484</b>	<b>138.705.379.996</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.380.043.665	36.380.043.665
Trích lập quỹ (1)	-	-	-	1.819.002.183	(7.783.513.099)	(5.964.510.916)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.064.298.037</b>	<b>7.134.377.658</b>	<b>22.922.237.050</b>	<b>139.120.912.745</b>

(1) Căn cứ vào Nghị quyết số 116/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.819.002.183 đồng và 5.964.510.916 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(2) Căn cứ vào Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2013, trong năm Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 2 năm 2012 cho các cổ đông bằng 10% mệnh giá cổ phần tương đương 10.000.000.000 đồng.

Căn cứ vào Nghị quyết số 116/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 cho các cổ đông dự kiến là 20% mệnh giá cổ phần tương đương 20.000.000.000 đồng, trong năm Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức với số tiền 10.000.000.000 đồng.

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn trong năm theo từng loại hình kinh doanh của Công ty như sau:

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu phân bón	2.518.278.786.854	2.433.647.274.505
Doanh thu hóa chất	21.110.043.891	19.154.042.497
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.841.265.736	16.021.111.177
	<u>2.561.230.096.481</u>	<u>2.468.822.428.179</u>
Chiết khấu thương mại	18.871.960.872	25.069.082.914
Giảm giá hàng bán	190.476.190	2.773.333.330
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>2.542.167.659.419</b></u>	<u><b>2.440.980.011.935</b></u>

**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn phân bón	2.406.008.824.462	2.314.560.113.704
Giá vốn hóa chất	20.096.142.924	18.166.786.212
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.735.697.726	15.253.503.269
	<u>2.447.840.665.112</u>	<u>2.347.980.403.185</u>

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh Miền Trung.

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.436.423.368	15.689.980.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.763.147.266	5.868.343.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.922.358.751	15.830.344.306
Chi phí khác bằng tiền	5.835.177.799	7.593.478.992
	<u>48.957.107.184</u>	<u>44.982.147.322</u>

**16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m<sup>2</sup>/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	21.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	54.677.161.914	59.518.116.234
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.677.161.914	59.518.116.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.111.521.883	6.901.695.812
<b>Tổng cộng</b>	<u>63.788.683.797</u>	<u>66.419.812.046</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	21.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	17.231.355.714	3.704.380.563
<b>Tổng cộng</b>	<u>38.231.355.714</u>	<u>3.704.380.563</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.677.161.914	-	54.677.161.914
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.111.521.883	-	9.111.521.883
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.788.683.797</b>	<b>-</b>	<b>63.788.683.797</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	21.000.000.000	-	21.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	17.231.355.714	-	17.231.355.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.231.355.714</b>	<b>-</b>	<b>38.231.355.714</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>25.557.328.083</b>	<b>-</b>	<b>25.557.328.083</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.518.116.234	-	59.518.116.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.901.695.812	-	6.901.695.812
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.419.812.046</b>	<b>-</b>	<b>66.419.812.046</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.704.380.563	-	3.704.380.563
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.704.380.563</b>	<b>-</b>	<b>3.704.380.563</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>62.715.431.483</b>	<b>-</b>	<b>62.715.431.483</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	44.104.389.237	45.638.903.973
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	56.891.993.811	30.580.997.623
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.520.214.800	11.522.399.791
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.085.714.286	251.226.256
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	2.545.455	-
Tổng công ty Cổ Phần dịch vụ Tổng Hợp Dầu Khí - Chi nhánh Miền Trung	-	1.768.309.524
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	3.493.265.650	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	14.323.031.691	14.513.263.531
Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau	349.135.796	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	111.991.530	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.843.279.898.733	1.930.418.826.679
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	101.784.805.574	17.171.676.429
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	194.776.051.113	110.289.499.848
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	674.054.822	62.871.500
Công ty Cổ Phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	9.408.823.927	7.206.262.707
Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau	6.854.476.190	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	532.682.757	1.049.018.222



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.057.632.258	4.893.644.410
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.473.657.200	1.297.635.200
Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau	384.049.376	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.126.558.420	-
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	312.000.000	70.508.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.800.000	-
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	507.827.931	435.299.732
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	88.294.867	51.986.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	616.444.400	758.461.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	545.446.726	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC- Miền Trung	265.452.000	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	444.242.500	2.905.350.225
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	303.401.254	3.860.365.429
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	756.193.160	-

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	4.632.485.575	3.150.020.876

**19. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**Phạm Thị Tuyết Minh**  
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2014



**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng



**Cao Trung Kiên**  
Giám đốc